

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/HS-ST

Ngày: 30 - 9 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tăng Giàu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Hoàng
2. Ông Nguyễn Văn Tịnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quốc Đại, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2021/TLST-HS, ngày 16 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2021/QĐXXST-HS, ngày 16 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Út H (tên gọi khác: Tam M), sinh năm 1995 tại Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp A, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Không có nghề nghiệp ổn định; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê V (đã chết) và bà Trần Thị G, sinh năm 1960; bị cáo chưa có vợ, chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 03/7/2012 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ đưa vào trường giáo dưỡng, thời hạn 24 tháng, do bị cáo có hành vi trộm cắp tài sản và đánh người khác gây thương tích, bị cáo đã chấp hành xong; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam trong vụ án khác (có mặt).

2. Họ và tên: Liêu Văn T, sinh ngày 02/4/2002 tại Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp A, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Không có nghề nghiệp ổn định; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Liêu Văn S (đã chết) và bà Trần Thị G, sinh năm 1984; bị cáo chưa có vợ, chưa có con; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 23/5/2020 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện Đ áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn với thời gian 03 tháng; ngày 10/12/2020 bị Công an thị trấn G, huyện Đ xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”; ngày 28/12/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc

thời gian 15 tháng, bị cáo hiện đang chấp hành cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Bị hại:

1. Ông Phạm Minh T, sinh năm 1974; nơi cư trú: Ấp A, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1965; nơi cư trú: Ấp A, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Lê Út H và Liêu Văn T là bạn bè quen biết, thường xuyên đi chơi chung với nhau. Từ ngày 19/12/2020 đến ngày 20/12/2020, các bị cáo đã nhiều lần lén lút chiếm đoạt tài sản của người dân trên địa bàn thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 00 giờ ngày 19/12/2020, Lê Út H từ phòng trọ của mình tại ấp A, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu đi bộ đến nhà của Liêu Văn H để tìm bị cáo T. Khi H đến thấy T đang ngủ thì H đánh thức và rủ T đi ra khu vực chợ đêm G chơi. Lúc này, T lấy chiếc xe đạp của bà Nguyễn Thị B cư trú ấp A, thị trấn G đậu cạnh vách nhà rồi đạp xe chở H đến chợ đêm G ăn trái cây. Khoảng 30 phút sau, H kêu T đi bộ qua cửa hàng tự chọn Tuấn – Uyên của ông Phạm Minh T tại ấp 3, thị trấn G để nhổ cây kiềng. H không trực tiếp đi qua mà dùng đèn pin rọi vào cây kiềng muốn lấy trộm cho T nhìn để lấy trộm. H rọi đèn vào cây Trà Mi, T dùng tay nhổ cây Trà Mi ra khỏi chậu rồi quay lại cùng H đạp xe chở T ngồi phía sau giữ cây Trà Mi đi về phòng trọ của H rồi T tự đạp xe về nhà để xe lại vị trí cũ trả lại cho bà B. Giá trị tài sản theo kết luận định giá là 1.200.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 02 giờ ngày 19/12/2020, H tiếp tục đi bộ đến khu vực chợ đêm G để tìm tài sản lấy trộm. Khi đi đến trước nhà của ông Nguyễn Thành L, cư trú ấp A, thị trấn G thì nhìn thấy 01 cây Nguyệt Quế trồng trước cửa nhà. H dùng tay nhổ cây Nguyệt Quế ra khỏi chậu rồi đem cây về để trước phòng trọ. Đến sáng cùng ngày, H ra chợ mua chậu về trồng cây Nguyệt Quế và tiếp tục để cây trước phòng trọ. Giá trị tài sản theo kết luận định giá là 4.000.000 đồng.

Vụ thứ ba: Vào khoảng 01 giờ 30 phút ngày 20/12/2020, H điều khiển xe mô tô Cub 50 mượn của anh Nguyễn Văn V, cư trú ấp A, thị trấn G đến nhà T tiếp tục rủ T đi đến cửa hàng tự chọn T – U để lấy trộm cây kiềng. H điều khiển xe chở T ngồi phía sau. Khi đi đến trước cửa hàng tự chọn T – U, T xuống xe, dùng tay nhổ cây bông Trang (mẫu đơn) vàng trong chậu rồi lên xe H chở về phòng trọ của H rồi H đưa T về nhà. Giá trị tài sản theo kết luận định giá là 2.000.000 đồng.

Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ tiến hành kiểm tra phòng trọ của Lê Út H đã thu giữ 01 cây Nguyệt Quế; 01 cây bông Trang (mẫu đơn) vàng, gốc cây có 09 nhánh cây. Các cây kiềng trên Cơ quan

Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã trả lại cho chủ sở hữu theo quy định. Đối với cây Trà Mi sau khi lấy trộm H đã đưa lại cho ông Nguyễn Văn V trả lại cho bị hại. Đối với 01 áo vải thun ngắn tay màu hồng; 01 áo thun ngắn tay có sọc ngang màu xanh, vàng; 01 quần jean dài màu xám; 01 nón kết bằng vải màu đen Liêu Văn H mặc, đôi khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản T tự nguyện giao nộp. Đối với cây đèn pin bị cáo H dùng để rơi vào cây kiềng cho bị cáo T lấy trộm. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo H đã làm mất, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã tiến hành truy tìm nhưng không tìm được.

Cáo trạng số: 40/CT-VKS-KSĐT, ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu truy tố bị cáo Lê Út H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và bị cáo Liêu Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo Lê Út H và Liêu Văn T; đồng thời phân tích nguyên nhân, điều kiện phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 38 và 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt các bị cáo Lê Út H từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 38 và 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt các bị cáo Liêu Văn T từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt các bị cáo đi thi hành án.

Về vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 01 áo vải thun ngắn tay màu hồng; 01 áo thun ngắn tay có sọc ngang màu xanh, vàng; 01 quần jean dài màu xám; 01 nón kết bằng vải màu đen bị cáo Liêu Văn T mặc, đôi khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bị cáo T tự nguyện giao nộp.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản do các bị cáo trộm cắp đã giao trả cho bị hại nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc các bị cáo Lê Út H và Liêu Văn H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Lê Út H và Liêu Văn T không tranh luận với ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về sự vắng mặt của bị hại: Xét thấy, trong hồ sơ vụ án đã có lời khai của bị hại và tài sản do các bị cáo trộm cắp đã giao trả cho bị hại, việc vắng mặt họ không cản trở cho việc xét xử nên tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3]. Xét lời khai nhận của các bị cáo Lê Út H và Liêu Văn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố và phù hợp với lời khai của bị hại, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Vì động cơ vụ lợi cá nhân nên từ ngày 19/12/2020 đến ngày 20/12/2020, các bị cáo Lê Út H và Liêu Văn T, mỗi bị cáo thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Bị cáo H trộm cắp tài sản có tổng giá trị 6.000.000 đồng, bị cáo T trộm cắp tài sản có tổng giá trị 3.200.000 đồng.

[4]. Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 17/HĐ ngày 04/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: Tại thời điểm ngày 19/12/2020, 01 cây Nguyệt Quế có thân cây chu vi lớn nhất 54cm, thân cây cao 01m tính từ đất trên mặt chậu đến ngọn cây, tán cây rộng trên diện 94cm x 81cm, phần cây cao nhất có kích thước trên diện 4.5cm x 4cm có giá trị 4.000.000 đồng. Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 18/HĐ ngày 05/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: Tại thời điểm ngày 19/12/2020, 01 cây Trà Mi, cây gồm một thân chính mọc cao lên chia làm 02 nhánh nhỏ, trên 02 nhánh nhỏ có nhiều nhánh nhỏ mọc tản ra xung quanh. Kích thước: Đường kính gốc cây 14cm, chiều cao cây 1.2m, tán cây rộng trên diện 85cm x 85cm có giá trị là 1.200.000 đồng; tại thời điểm ngày 20/12/2020, 01 cây bông Trang (mẫu đơn) vàng, gốc cây có 09 nhánh cây, có chu vi 51.5cm, bộ gốc phát triển trên diện 35cm x 29cm, chiều cao 1.28m tán rộng trên diện 1.25m x 1.25m có giá trị là 2.000.000 đồng.

[5]. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu truy tố bị cáo Lê Út H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và bị cáo Liêu Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[6]. Các bị cáo Lê Út H và Liêu Văn T là người đã thành niên, có đầy đủ khả năng để nhận thức hành vi lén lút lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật; tuy tính chất mức độ phạm tội của các bị cáo ít nghiêm trọng, nhưng trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh, an toàn xã hội tại địa phương. Các bị cáo nhận thức rõ việc chiếm đoạt tài sản trái phép của người khác bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng vì lòng tham tư lợi mà các bị cáo cố ý thực hiện. Trong vụ án này, bị cáo H là người rủ rê, lôi

kéo bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội, 02 lần trộm cắp tài sản có giá trị 6.000.000 đồng, ngoài hành vi phạm tội trên bị cáo Lê Út H còn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 01 năm 06 tháng tù; bị cáo T đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” nhưng lại tiếp tục có hành vi cùng với bị cáo H 02 lần trộm tài sản của người khác giá trị 3.200.000 đồng. Do đó, vai trò của bị cáo H cao hơn bị cáo T.

[7]. Với những phân tích trên, xét thấy hành vi trái pháp luật của các bị cáo Lê Út H và Liêu Văn T cần xử lý nghiêm theo pháp luật hình sự, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[8]. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Lê Út H và Liêu Văn T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 được áp dụng khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo. Các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội hai lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[9]. Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 áo vải thun ngắn tay màu hồng; 01 áo thun ngắn tay có sọc ngang màu xanh, vàng; 01 quần jean dài màu xám; 01 nón kết bằng vải màu đen bị cáo Liêu Văn T mặc, đội khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, xét thấy đây là công cụ, phương tiện phạm tội nên tiêu hủy. Đối với cây đèn pin bị cáo H dùng để rơi vào cây kiềng cho bị cáo T lấy trộm. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo H đã làm mất, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã tiến hành truy tìm nhưng không tìm được nên không đặt ra xem xét.

[10]. Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã trao trả lại tài sản do các bị cáo H và T lấy trộm cho chủ sở hữu nên không đặt ra xem xét.

[11]. Đối với anh Nguyễn Văn V cho bị cáo H mượn xe mô tô Cub 50. Do anh V không biết bị cáo H điều khiển xe đi trộm cắp tài sản nên không đề cập xử lý. Đối với bà Nguyễn Thị B có hành vi cho bị cáo T mượn xe đạp. Do bà B không biết bị cáo T điều khiển xe đi trộm cắp tài sản nên không đề cập xử lý. Đối với hành vi bị cáo Lê Út H cùng với bị cáo Liêu Văn T lấy trộm 01 cây Trà Mi của ông Phạm Minh T vào ngày 19/12/2020, cây có giá trị định giá là 1.200.000 đồng. Do bị cáo H chưa có tiền án, tiền sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra ra quyết định xử phạt hành chính với số tiền 2.000.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản là đúng theo quy định pháp luật.

[12]. Xét thấy quan điểm của Kiểm sát viên về tội danh, mức hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các vấn đề khác có liên quan trong vụ án là có căn cứ được chấp nhận. Đối với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 áp dụng đối với bị cáo Liêu Văn T là chưa phù hợp

nên không chấp nhận. Bởi lẽ, sau khi sự việc xảy ra, bị hại đến Cơ quan Công an thị trấn G trình báo sự việc, Cơ quan tiến hành tố tụng mời bị cáo T lên làm việc, bị cáo T đưa Cơ quan tiến hành tố tụng đến nhà trọ của bị cáo H nên Cơ quan tiến hành tố tụng tịch thu tài sản do các bị cáo trộm cắp giao trả cho bị hại. Đồng thời, tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo T xác định, bị cáo không tự nguyện đưa Cơ quan tiến hành tố tụng đến nhà trọ của bị cáo H để tịch thu tài sản do các bị cáo trộm cắp giao trả cho bị hại nên bị cáo T không tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả.

[13]. Về án phí: Các bị cáo Lê Út H và Liêu Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Út H (Tam M) và Liêu Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 38 và 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lê Út H 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 38 và 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Liêu Văn H 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy: 01 áo vải thun ngắn tay màu hồng; 01 áo thun ngắn tay có sọc ngang màu xanh, vàng; 01 quần jean dài màu xám; 01 nón kết bằng vải màu đen bị cáo Liêu Văn H mặc, đội.

Vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 23/9/2021.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Lê Út H và Liêu Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Đ;
- CQ Điều tra huyện Đ;
- Chi Cục THADS huyện Đ;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Tăng Giàu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Nhâm Đỗ Kim Phụng

Tăng Giàu